


**GIÁ CÁC MẶT HÀNG HOA, RAU, CỦ QUẢ
TẠI CÁC CHỢ ĐẦU MỐI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Ngày 04 tháng 6 năm 2026

(ĐVT: đ/kg)

TT	Mặt hàng và quy cách	Loại	Giá tại chợ phủ	Ghi chú
1	Cam sành (kg)	Loại 1	35.000	
2	Dưa hấu Miền Nam (kg)	Loại 1	20.000	
3	Ổi Đài Loan	Loại 1	22.000	
4	Cam V2	Loại 1	30.000	
5	Xoài Cát chu	Loại 1	40.000	
6	Mãng cầu xiêm	Loại 1	65.000	
7	Vú sữa tím (kg)	Loại 1	70.000	
8	Nhãn (kg)	Loại 1	50.000	
9	Vải thiều (kg)	Loại 1	45.000	
10	Mận hậu (kg)	Loại 1	20.000	
11	Táo nhập khẩu (kg)	Loại 1	80.000	
12	Chôm chôm (kg)	Loại 1	60.000	
13	Bầu (kg)	Loại 1	10.000	
14	Rau muống (mớ)	Loại 1	7.000	
15	Khoai tây (kg)	Loại 1	20.000	
16	Bí đỏ	Loại 1	18.000	
17	Dưa chuột (kg)	Loại 1	20.000	
18	Rau ngót	Loại 1	7.000	
19	Rau mồng tơi (mớ)	Loại 1	6.000	
20	Rau rền (mớ)	Loại 1	6.000	
21	Cà chua (kg)	Loại 1	32.000	
22	Bắp cải (kg)	Loại 1	15.000	
23	Lắc lày (kg)	Loại 1	35.000	
24	Cà rốt (kg)	Loại 1	20.000	
25	Mướp (kg)	Loại 1	10.000	
26	Su su (kg)	Loại 1	10.000	
27	Hoa đơn (cành)	Loại 1	15.000	
28	Hoa hồng đỏ (bông)	Loại 1	6.000	
29	Hoa ly hồng kép (cành)	Loại 1	55.000	
30	Hoa cúc vàng (bông)	Loại 1	6.000	
31	Hoa ly ly (cành)	Loại 1	45.000	
32	Hoa loa kèn (bông)	Loại 1	3.000	

Người thu thập
(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thị Hằng

TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP



(Ký tên, đóng dấu)

PHÓ GIÁM ĐỐC

Vũ Thị Tâm Bắc